CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2018*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới

1. Thay thế Phụ lục phạm vi địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, đường thủy nội địa trong khu vực biên giới ban hành kèm theo Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ bằng Phụ lục phạm vi địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, đường thủy nội địa trong khu vực biên giới ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"Điều 7. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại bưu điện quốc tế, khu vực chuyển phát nhanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại bưu điện quốc tế là khu vực thuộc điểm phục vụ bưu chính thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, lưu giữ bưu gửi với nước ngoài theo điều ước quốc tế của Liên minh bưu chính thế giới và các quy định về bưu chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực chuyển phát nhanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua dịch vụ chuyển phát nhanh".

3. Sửa đổi khoản 2, khoản 8 Điều 8 như sau:

"2. Các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu có doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa chịu sự giám sát, kiểm soát hải quan; khu thương mại tự do, khu chế xuất; trụ sở, kho hàng của doanh nghiệp chế xuất; khu phi thuế quan; khu vực ưu đãi hải quan khác; khu vực hải quan riêng.

8. Khu vực, địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ sở sản xuất, cơ sở gia công lại, công trình."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

"3. Ngăn chặn, điều tra, lập hồ sơ và xử lý vi phạm."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

"Điều 15. Phối hợp trong ngăn chặn, điều tra, lập hồ sơ và xử lý vi phạm

1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, công an, quản lý thị trường và các cơ quan hữu quan khác thực hiện các biện pháp ngăn chặn, điều tra, lập hồ sơ và xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu khi có yêu cầu.

2. Trong quá trình thực hiện các biện pháp ngăn chặn, điều tra, lập hồ sơ và xử lý vi phạm, theo đề nghị của cơ quan hải quan thì cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm:

a) Phối hợp lực lượng, hỗ trợ điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện khám người, phương tiện vận tải, đồ vật, nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo thủ tục hành chính và áp giải người vi phạm;

b) Phối hợp, hỗ trợ lực lượng, phương tiện trong việc lấy lời khai, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ, mở rộng điều tra, xác lập chuyên án;

c) Phối hợp trong việc lập hồ sơ và xử lý các vụ việc vi phạm."

6. Bổ sung Điều 15a như sau:

"Điều 15a. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật

Trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường và các cơ quan hữu quan khác tổ chức tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới."

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này

Trong trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố sở tại xem xét, trình Chính phủ quyết định./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGD Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, V.I (2b).KN 205

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

PHẠM VI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN TẠI KHU VỰC CỬA KHẨU ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA TRONG KHU VỰC BIÊN GIỚI

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ)

1. Tỉnh Quảng Ninh

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Bắc Luân	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia, giới hạn từ mốc giới số 1366(2) (tọa độ 21°33'12,485" vĩ độ Bắc, 107°56'44,020" kinh độ Đông) chạy dọc đường biên giới đến mốc giới số 1371(2) (tọa độ 21°32'48,250" vĩ độ Bắc, 107°59'57,992" kinh độ Đông) tại ngầm Lục Lầm thuộc phường Hải Hòa. - Chiều sâu vào nội địa là 01 km tính từ các vị trí có tọa độ nêu trên.
02	Cửa khẩu Ka Long	- Khu làm việc trụ sở liên ngành tại cửa khẩu. - Bãi kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. - Ranh giới khu vực cửa khẩu Ka Long: + Ranh giới về phía bên phải được tính từ bờ sông thuộc bãi kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu dọc theo sông Ka Long đến ngã ba Xoáy Nguồn. + Ranh giới về phía bên trái được tính từ bờ sông thuộc bãi kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu dọc theo sông Ka Long đến chân cầu Ka Long. - Địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu Km3+ Km4.
03	Cửa khẩu Hoành Mô	- Khu vực trụ sở làm việc liên ngành. - Ngầm biên giới. - Bãi kiểm tra hàng. - Ranh giới khu vực cửa khẩu Hoành Mô là: + Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại khu vực cửa khẩu. + Ranh giới về bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới nối đến điểm cuối chợ Đồng Văn thuộc xã Đồng Văn mốc giới số 1321(3) (tọa độ 21°35'20,068" vĩ độ Bắc, 107°32'34,732" kinh độ Đông). + Ranh giới về bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới đến đầu bãi Nà Sa thuộc xã Hoành Mô mốc giới số 1313(2) (tọa độ 21°36'53,195" vĩ độ Bắc, 107°29'49,594" kinh độ Đông). + Chiều sâu vào nội địa là 01 km tính từ các vị trí có tọa độ nêu trên. - Trên đường 18C ranh giới được tính từ đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu đến hết địa giới hành chính xã Hoành Mô và hành lang mỗi bên cách đường 18C là 01 km.
04	Cửa khẩu Bắc Phong Sinh	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia, giới hạn từ mốc giới số 1342(2) (tọa độ 21°36'51,950" vĩ độ Bắc, 107°41'56,865" kinh độ Đông) đến mốc giới số 1344/1(2) (tọa độ 21°37'50,819" vĩ độ Bắc, 107°43'56,667" kinh độ Đông). - Chiều sâu vào nội địa là 01 km tính từ vị trí các mốc giới nêu trên. - Trên đường 18B ranh giới được tính từ đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu sâu vào nội địa đến cột Km số 16.

2. Tại tỉnh Lạng Sơn

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Hữu Nghị	- Chính diện trùng với đường biên giới từ mốc giới số 1114 (tọa độ 21°58'12,413" vĩ độ Bắc, 106°42'28,406" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1121 (tọa độ 21°58'19,949" vĩ độ Bắc, 106°42'54,029" kinh độ Đông), dài khoảng 1,450 km. - Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1114 đi dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1110 (tọa độ 21°57'37,392" vĩ độ Bắc, 106°41'56,223" kinh độ Đông) sau đó cắt sang đỉnh đồi có (tọa độ 21°57'33,574" vĩ độ Bắc, 106°41'57,662" kinh độ Đông) đi theo sườn đồi đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°57'13,631" vĩ độ Bắc, 106°42'5,639" kinh độ Đông) cạnh đường quốc lộ 1A cũ, về đến điểm cắm biển báo khu vực cửa khẩu bên phải đường quốc lộ 1A mới có (tọa độ 21°57'4,142" vĩ độ Bắc, 106°42'11,387" kinh độ Đông). - Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1121 đi theo khe đồi đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°58'9,401" vĩ độ Bắc, 106°42'52,375" kinh độ Đông) bên phải đường Tỉnh lộ 235 đi theo bên trái chỉ giới đường sắt đến điểm có (tọa độ 21°57'3,923" vĩ độ Bắc, 106°42'13,003" kinh độ Đông) về đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°57'4,142" vĩ độ Bắc, 106°42'11,387" kinh độ Đông) bên phải đường quốc lộ 1A mới. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1116 (tọa độ 21°58'25,419" vĩ độ Bắc, 106°42'40,798" kinh độ Đông) đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°57'4,142" vĩ độ Bắc, 106°42'11,387" kinh độ Đông), bên phải đường quốc lộ 1A mới, dài khoảng 2.750 m.
02	Cửa khẩu Tân Thanh	- Chính diện đường biên giới: Từ mốc giới số 1088/2 + 120 m (tọa độ 22°00'32,053" vĩ độ Bắc, 106°41'20,034" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1091 + 140 m (tọa độ 22°00'04,071" vĩ độ Bắc, 106°40'58,561" kinh độ Đông), dài khoảng 1,1 km. - Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1088/2 + 120 m chạy dọc theo sườn đồi đến đỉnh đồi có (tọa độ 22°00'44,576" vĩ độ Bắc, 106°41'0,245" kinh độ Đông) chạy dọc sống núi đến điểm có (tọa độ 22°00'34,320" vĩ độ Bắc, 106°40'12,308" kinh độ Đông) ra đến suối Bản Thẩu chạy dọc theo đường 230A ra đến điểm cắm biển phạm vi khu vực cửa khẩu (ngã ba Pác Luống) (tọa độ 21°59'54,409" vĩ độ Bắc, 106°39'11,958" kinh độ Đông). - Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1091 + 140 m cắt thẳng sang đỉnh núi có (tọa độ 22°00'14,513" vĩ độ Bắc, 106°39'53,430" kinh độ Đông), sau đó đến đỉnh núi có (tọa độ 22°00'23,729" vĩ độ Bắc, 106°39'53,207" kinh độ Đông), sau đó cắt thẳng ra đường 230A ôm cạnh trục đường ra đến vị trí cắm biển phạm vi khu vực cửa khẩu (ngã ba Pác Luống) (tọa độ 21°59'54,409" vĩ độ Bắc, 106°39'11,958" kinh độ Đông). - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1090 (tọa độ 22°00'10,504" vĩ độ Bắc, 106° 40'58,992" kinh độ Đông) đi vào nội địa qua cổng Đồn Biên phòng Tân Thanh ra ngã ba Pác Luống có (tọa độ 21°59'54,409" vĩ độ Bắc, 106°39'11,958" kinh độ Đông), dài khoảng 3,8 km.

03	Cửa khẩu Cốc Nam	- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1103/1 (tọa độ 21°57'50,349" vĩ độ Bắc, 106°41'30,442" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1107 (tọa độ 21°57'43,879" vĩ độ Bắc, 106°41'40,948" kinh độ Đông), dài khoảng 750 m. - Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1103/1 đi theo sườn núi ra quốc lộ 4A, (tọa độ 21°57'43,025" vĩ độ Bắc, 106°41'26,657" kinh độ Đông) sau đó đi dọc theo quốc lộ 4A đến điểm cắm biển phạm vi khu vực cửa khẩu (ngã ba đường rẽ vào cửa khẩu Cốc Nam) (tọa độ 21°57'34,775" vĩ độ Bắc, 106°41'34,758" kinh độ Đông) chạy dọc theo quốc lộ đến tọa độ (21°57'17,087" vĩ độ Bắc, 106°41'27,252" kinh độ Đông) dốc Tềnh Tạm. - Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1107 (tọa độ 21°57'43,879" vĩ độ Bắc, 106°41'40,948" kinh độ Đông) chạy dọc theo điểm tiếp giáp địa giới hành chính giữa huyện Văn Lãng và huyện Cao Lộc đến (tọa độ 21°57'19,242" vĩ độ Bắc, 106°41'35,056" kinh độ Đông) cắt sang (tọa độ 21°57'17,087" vĩ độ Bắc, 106°41'27,252" kinh độ Đông) dốc Tềnh Tạm. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1104 (tọa độ 21°57'52,450" vĩ độ Bắc, 106° 41'36,536" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°57'34,775" vĩ độ Bắc, 106°41'34,758" kinh độ Đông), dài khoảng 850 m.
04	Cửa khẩu Chi Ma	- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1220/2 (tọa độ 21°49'20,286" vĩ độ Bắc, 107°01'25,506" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới quốc gia đến mốc giới số 1239 (tọa độ 21°48'31,646" vĩ độ Bắc, 107°04'21,782" kinh độ Đông), dài khoảng 5,8 km. - Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1220/2 theo sườn đồi đến các điểm có (tọa độ 21°49'6,168" vĩ độ Bắc, 107°01'0,757" kinh độ Đông), (tọa độ 21°48'33,615" vĩ độ Bắc, 107°00'55,294" kinh độ Đông) về đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°48'33,615" vĩ độ Bắc, 107°00'59,642" kinh độ Đông) bên ngoài ngã ba đường rẽ đi Nà Quân, Nà Phát khoảng 100 m. - Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1239 đi dọc theo sông Bản Thín ra đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°48'12,656" vĩ độ Bắc, 107°03'36,833" kinh độ Đông) sau đó đi dọc theo sông Bản Thín cắt lên điểm có (tọa độ 21°48'6,413" vĩ độ Bắc, 107°03'1,605" kinh độ Đông), rồi chạy đến biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°48'4,406" vĩ độ Bắc, 107°02'52,686" kinh độ Đông), sau đó kéo thẳng sang biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu tiếp theo có (tọa độ 21°48'13,771" vĩ độ Bắc, 107°02' 27,491" kinh độ Đông), rồi chạy dọc theo sông Bản Thín đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°48'33,726" vĩ độ Bắc, 107°01'57,613" kinh độ Đông), tiếp tục chạy dọc theo sông Bản Thín rồi cắt qua điểm đường đi Nà Phát (tọa độ 21°48'35,398" vĩ độ Bắc, 107°01'36,989" kinh độ Đông), đến điểm có (tọa độ 21°48'30,660" vĩ độ Bắc, 107°01'30,46" kinh độ Đông) từ đây chạy thẳng đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu có (tọa độ 21°48'33,615" vĩ độ Bắc, 107° 00'59,642" kinh độ Đông) bên ngoài ngã ba đường rẽ đi Nà Quân và Nà Phát khoảng 100 m. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1224 (tọa độ 21°49'10,251" vĩ độ Bắc, 107°01'39,111" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu có (tọa độ 21°48'33,615" vĩ độ Bắc, 107°00'59,642" kinh độ Đông) bên ngoài ngã ba đường rẽ đi Nà Quân và Nà Phát khoảng 100 m, dài khoảng 1,55 km.

05	Cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế Đồng Đăng	- Diện tích cửa khẩu quốc tế ga Đồng Đăng khoảng 56.000 m^2, bao gồm: Khu vực trung tâm, bao gồm trụ sở làm việc ga (phòng chờ làm thủ tục hành khách, làm việc của nhà ga và các cơ quan chức năng), quảng trường ga, phòng đợi tàu; khu đầu máy; cung đường sắt và toàn bộ bãi hóa trường (khu nhà chuyển hàng hóa từ phương tiện ô tô sang tàu hỏa và từ tàu hỏa sang ô tô). Ngoài phạm vi các khu vực cửa khẩu trên còn thêm đoạn đường hộ tống từ nhà ga đến điểm dừng đầu ghi trên biên giới theo phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt dài khoảng 3,4 km.
06	Cửa khẩu Bình Nghi	- Chính diện trùng với đường biên giới quốc gia: Từ mốc giới số 1030 (tọa độ 22°14'33,372" vĩ độ Bắc, 106°41'28,721" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1038 (tọa độ 22°12'10,226" vĩ độ Bắc, 106°40'49,268" kinh độ Đông). - Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1030 chạy dọc sống núi hướng Tây Nam cắt qua các điểm đồi có (tọa độ 22°14'18,454" vĩ độ Bắc, 106°41'24,543" kinh độ Đông), (tọa độ 22°14'5,410" vĩ độ Bắc, 106°41'20,307" kinh độ Đông), (tọa độ 22°13'57,161" vĩ độ Bắc, 106°41'25,769" kinh độ Đông), (tọa độ 22°13'46,570" vĩ độ Bắc, 106°41'19,861" kinh độ Đông), (tọa độ 22°13'34,195" vĩ độ Bắc, 106°41'30,898" kinh độ Đông), đi theo sống núi hướng Đông Nam đến gần suối Khuôn Lạn (tọa độ 22°13'17,807" vĩ độ Bắc, 106°41'48,846" kinh độ Đông), sau đó theo hướng Tây Nam cắt đến các điểm có (tọa độ 22°12'58,632" vĩ độ Bắc, 106°41'25,324" kinh độ Đông), (tọa độ 22°12'38,342" vĩ độ Bắc, 106°41'20,753" kinh độ Đông), chạy đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°12'22,177" vĩ độ Bắc, 106°41'2,024" kinh độ Đông). - Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1038 theo hướng Tây cắt thẳng đến đồi có (tọa độ 22°12'8,242" vĩ độ Bắc, 106°40'23,673" kinh độ Đông), sau đó theo hướng Nam Tây Nam dọc theo sông Kỳ Cùng đến Bến Nà Mằn (tọa độ 22°11'34,685" vĩ độ Bắc, 106°39'30,719" kinh độ Đông) theo hướng Đông cắt thẳng qua sông có (tọa độ 22°11'36,246" vĩ độ Bắc, 106°39'36,070" kinh độ Đông), chạy dọc sông Kỳ Cùng đến điểm có (tọa độ 22° 12'33,214" vĩ độ Bắc, 106°40'26,126" kinh độ Đông), theo hướng Đông đến đồi có (tọa độ 22°12'30,650" vĩ độ Bắc, 106°40'44,855" kinh độ Đông), theo hướng Đông Nam đến vị trí điểm cắm biển báo khu vực cửa khẩu (tọa độ 22° 12'22,177" vĩ độ Bắc, 106°41'2,024" kinh độ Đông). - Chiều sâu khu vực cửa khẩu: Bắt đầu từ mốc giới số 1033/1 (tọa độ 22°13'23,735" vĩ độ Bắc, 106°41'57,520" kinh độ Đông) đến các điểm đồi có (tọa độ 22°12' 59,301" vĩ độ Bắc, 106°41'25,769" kinh độ Đông) và (tọa độ 22°12'38,788" vĩ độ Bắc, 106°41'22,313" kinh độ Đông) đến vị trí biển báo khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°12'22,177" vĩ độ Bắc, 106°41'2,024" kinh độ Đông).
07	Cửa khẩu Pò Nhùng	- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1138/1 + 75 m (tọa độ 22°00'35,100" vĩ độ Bắc, 106°46'24,109" kinh độ Đông), đi theo đường biên giới đến mốc giới số 1142 (tọa độ 22°00'16,460" vĩ độ Bắc, 106°46'42,204" kinh độ Đông) dài khoảng 900 m (thuộc thôn Pò Nhùng, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc).

		- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1138/1 + 75 m đi theo khe và len qua các điểm đồi có (tọa độ 22°00'27,761" vĩ độ Bắc, 106°46'24,889" kinh độ Đông), (tọa độ 22°00'18,322" vĩ độ Bắc, 106°46'13,667" kinh độ Đông), (tọa độ 22° 00'14,308" vĩ độ Bắc, 106°46'20,058" kinh độ Đông), (tọa độ 22°00'5,761" vĩ độ Bắc, 106°46'11,437" kinh độ Đông) sau đó đi theo sườn đồi đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu đầu bản Pò Nhùng (tọa độ 21°59'59,741" vĩ độ Bắc, 106°46'17,829" kinh độ Đông). - Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1142 đi theo sườn đồi đến các điểm có (tọa độ 22°00'8,288" vĩ độ Bắc, 106°46'33,808" kinh độ Đông), (tọa độ 22°00'0,039" vĩ độ Bắc, 106°46'35,592" kinh độ Đông) vào đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu đầu bản Pò Nhùng (tọa độ 21°59'59,741" vĩ độ Bắc, 106°46'17,829" kinh độ Đông). - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1140 (tọa độ 22° 00'25,103" vĩ độ Bắc, 106°46'35,529" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°59'59,741" vĩ độ Bắc, 106°46'17,829" kinh độ Đông), dài khoảng 01 km.
08	Cửa khẩu Co Sâu	- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1181/2 (tọa độ 21°55'53,352" vĩ độ Bắc, 106°56'49,513" kinh độ Đông) đi theo đường biên giới đến mốc giới số 1182 – 225 m (tọa độ 21°55'53,638" vĩ độ Bắc, 106°56'48,880" kinh độ Đông), dài khoảng 350 m. - Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1181/2 chạy theo sườn đồi đến khe có (tọa độ 21°55'46,354" vĩ độ Bắc, 106°56'37,955" kinh độ Đông), sau đó qua Dông đồi đến đầu bản Co Sâu điểm có (tọa độ 21°55'31,713" vĩ độ Bắc, 106°56'41,151" kinh độ Đông) và cắt chéo đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (bên phải trục đường 230) (tọa độ 21°55'25,767" vĩ độ Bắc, 106°56' 49,475" kinh độ Đông). - Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1182 + 225 m chạy thẳng theo sườn đồi lên đỉnh đồi có (tọa độ 21°55'27,030" vĩ độ Bắc, 106°56'58,839" kinh độ Đông), sau đó cắt chéo sang sườn đồi có (tọa độ 21°55' 23,537" vĩ độ Bắc, 106°56'50,590" kinh độ Đông) và chạy thẳng đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°55'25,767" vĩ độ Bắc, 106°56'49,475" kinh độ Đông). - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1182 đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°55'25,767" vĩ độ Bắc, 106°56' 49,475" kinh độ Đông), dài khoảng 800 m.
09	Cửa khẩu Nà Nưa	- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 971 (tọa độ 22°22'55,165" vĩ độ Bắc, 106°34'56,215" kinh độ Đông) đến mốc giới số 979 (tọa độ 22°21'21,992" vĩ độ Bắc, 106°33'41,834" kinh độ Đông). - Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 971 cắt thẳng đến đồi có (tọa độ 22°22'43,386" vĩ độ Bắc, 106°34'40,209" kinh độ Đông); (tọa độ 22°22'49,196" vĩ độ Bắc, 106°34' 30,250" kinh độ Đông) về đến điểm cắm biển báo khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°22'46,025" vĩ độ Bắc, 106°34'16,377" kinh độ Đông).

		- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 979 đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°21'20,626" vĩ độ Bắc, 106°33'40,798" kinh độ Đông), sau đó chạy dọc theo đường tuần tra biên giới đến sườn đồi có (tọa độ 22°22'18,238" vĩ độ Bắc, 106°34'35,982" kinh độ Đông) từ đó cắt thẳng đến điểm có (tọa độ 22°22'42,219" vĩ độ Bắc, 106°34'11,196" kinh độ Đông), về đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°22'46,025" vĩ độ Bắc, 106°34'16,377" kinh độ Đông). - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 972 (tọa độ 22°22'24,322" vĩ độ Bắc, 106°34'54,603" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°22'46,025" vĩ độ Bắc, 106°34'16,377" kinh độ Đông), dài khoảng 1,36 km.
10	Cửa khẩu Na Hình	- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1054/1 (tọa độ 22°08'06,992" vĩ độ Bắc, 106°41'28,565" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1059 (tọa độ 22° 07'49,747" vĩ độ Bắc, 106°41'35,409" kinh độ Đông), dài khoảng 800 m. - Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1054/1 cắt thẳng đến điểm đồi có (tọa độ 22°08'04,429" vĩ độ Bắc, 106°41'18,962" kinh độ Đông), sau đó cắt thẳng ra điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (bên phải trục đường 230) (tọa độ 22° 07'59,651" vĩ độ Bắc, 106°41'18,632" kinh độ Đông). - Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1059 cắt thẳng đến khe đồi có (tọa độ 22°07'49,703" vĩ độ Bắc, 106°41'21,902" kinh độ Đông), sau đó chạy ngược lên sườn đồi đến điểm có (tọa độ 22°07'57,729" vĩ độ Bắc, 106°41'18,582" kinh độ Đông) sau đó chạy thẳng ra điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu có (tọa độ 22°07' 59,651" vĩ độ Bắc, 106°41'18,632" kinh độ Đông). - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1056 (tọa độ 22°08'02,385" vĩ độ Bắc, 106° 41'37,853" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°07'59,651" vĩ độ Bắc, 106°41'18,632" kinh độ Đông), dài khoảng 650 m.
11	Cửa khẩu Nà Căng	- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1248/2 (tọa độ 21°46'56,896" vĩ độ Bắc, 107°07'11,286" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới quốc gia đến mốc giới số 1251 (tọa độ 21°46'36,067" vĩ độ Bắc, 107°07'32,952" kinh độ Đông) dài khoảng 1,1 km (thuộc thôn Nà Căng, xã Tam Gia, huyện Lộc Bình). - Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1248/2 cắt thẳng đến đỉnh đồi có (tọa độ 21°46'48,486" vĩ độ Bắc, 107°06'57,391" kinh độ Đông), sau đó cắt qua suối Nà Căng đến đồi có (tọa độ 21°46'34,308" vĩ độ Bắc, 107° 06'48,995" kinh độ Đông) và chạy theo sườn đồi đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu, (tọa độ 21°46'23,737" vĩ độ Bắc, 107°06'58,060" kinh độ Đông). - Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1251 tọa độ cắt thẳng đến điểm đồi có (tọa độ 21°46'15,710" vĩ độ Bắc, 107°07'16,454" kinh độ Đông), sau đó cắt sang đỉnh đồi có (tọa độ 21°46'14,707" vĩ độ Bắc, 107°07'8,595" kinh độ Đông) và cắt thẳng đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu, (tọa độ 21°46'23,737" vĩ độ Bắc, 107° 06'58,060" kinh độ Đông). - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1250 (tọa độ 21°46'40,189" vĩ độ Bắc, 107°07'27,414" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu có (tọa độ 21°46'23,737" vĩ độ Bắc, 107°06'58,060" kinh độ Đông), dài khoảng 01 km.

12	Cửa khẩu Bản Chắt	- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1268 (tọa độ 21°43'47,695" vĩ độ Bắc, 107°11'50,667" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới quốc gia đến mốc giới số 1271 + 300 m (tọa độ 21°43'10,900" vĩ độ Bắc, 107°11'59,175" kinh độ Đông), dài khoảng 1,35 km (thuộc thôn Bản Chắt, xã Bình Xá, huyện Đình Lập). - Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1268 chạy thẳng đến sườn đồi có (tọa độ 21°43'21,936" vĩ độ Bắc, 107°11'27,848" kinh độ Đông), cắt sang điểm đồi có (tọa độ 21°43'10,342" vĩ độ Bắc, 107°11'30,524" kinh độ Đông), sau đó bám theo quốc lộ 31 về đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°42'31,323" vĩ độ Bắc, 107°11'12,798" kinh độ Đông), bên phải quốc lộ 31. - Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới 1271 + 300 m chạy thẳng đến điểm đồi có (tọa độ 21°42'41,803" vĩ độ Bắc, 107°11' 44,459" kinh độ Đông), tiếp theo chạy đến đồi có (tọa độ 21°42'38,347" vĩ độ Bắc, 107°11'23,723" kinh độ Đông) và về đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°42'31,323" vĩ độ Bắc, 107°11'12,798" kinh độ Đông). - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1270 (tọa độ 21°43'20,214" vĩ độ Bắc, 107°11'47,091" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°42'31,323" vĩ độ Bắc, 107°11'12,798" kinh độ Đông), dài khoảng 02 km.

3. Tại tỉnh Cao Bằng

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Tà Lùng	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu, giới hạn từ mốc giới số 943(2) (tọa độ 22°28'26,433" vĩ độ Bắc, 106°34'47,983" kinh độ Đông) thuộc Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng (đối diện là Thủy Khẩu - Long Châu - Quảng Tây -Trung Quốc). - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 2,1 km từ mốc giới số 943(2) (tọa độ 22°28'26,433" vĩ độ Bắc, 106°34'47,983" kinh độ Đông) đến mốc giới số 947 (tọa độ 22°28'29,703" vĩ độ Bắc, 106°34'15,210" kinh độ Đông) thuộc làng Nà Thắm, xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên trái là 04 km từ mốc giới số 943(2) (tọa độ 22°28'26,433" vĩ độ Bắc, 106°34'47,983" kinh độ Đông) đến mốc giới số 941(2) (tọa độ 22°30'59,062" vĩ độ Bắc, 106°34'54,638" kinh độ Đông) thuộc làng Lũng Om, xã Đại Sơn, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng. - Chiều sâu vào nội địa và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 4,5 km từ mốc giới số 943(2) cầu cửa khẩu (tọa độ 22°28'26,433" vĩ độ Bắc, 106°34'47,983" kinh độ Đông) đến xóm Phia Xiếp, thị trấn Hòa thuận - Phục Hòa - Cao Bằng.

02	Cửa khẩu Trà Lĩnh	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu giới hạn từ mốc giới số 741 (tọa độ 22°52'24,276" vĩ độ Bắc, 106°19'25,581" kinh độ Đông) đến mốc giới số 742 (tọa độ 22°52'24,611" vĩ độ Bắc, 106°19'26,302" kinh độ Đông). - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 1,5 km đến làng bản Hía. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên trái là 03 km quốc giới số 734 (tọa độ 22°51'50,803" vĩ độ Bắc, 106°18'40,382" kinh độ Đông). - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 3,5 km đến làng Tổng Moòng.
03	Cửa khẩu Sóc Giang	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu, giới hạn từ mốc giới số 647 (tọa độ 22°56'32,483" độ vĩ Bắc, 105°59'40,961" kinh độ Đông) đến mốc giới số 648 (tọa độ 22°56'32,831" vĩ độ Bắc, 105°59'42,601" kinh độ Đông). - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải đến mốc giới số 651 (tọa độ 22°56'27,646" vĩ độ Bắc, 105°59'52,406" kinh độ Đông). - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên trái đến mốc giới số 638 (tọa độ 22°56'25,598" vĩ độ Bắc, 105°57'20,392" kinh độ Đông) đến làng Lũng Pươi. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 05 km đến làng Kép Ké.
04	Cửa khẩu Pò Peo	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu, giới hạn từ mốc giới số 785 (tọa độ 22°56'48,288" vĩ độ Bắc, 106°31'06,420" kinh độ Đông) đến mốc giới số 793 (tọa độ 22°56'15,013" vĩ độ Bắc, 106°32'25,169" kinh độ Đông). - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 01 km đến mốc giới số 793. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới từ mốc giới số 785 về bên trái là 03 km đến bờ sông Quây Sơn. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 04 km đến làng Khưa Hoi.
05	Cửa khẩu Bí Hà	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu, giới hạn từ mốc giới số 911 (tọa độ 22°35'10,269" vĩ độ Bắc, 106°43'13,044" kinh độ Đông) đến mốc giới số 912 (tọa độ 22°35'09,215" vĩ độ Bắc, 106°43'11,522" kinh độ Đông). - Ranh giới bên phải được tính từ đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 3,1 km đến mốc giới số 920 (tọa độ 22°35'00,041" vĩ độ Bắc, 106°41'46,972" kinh độ Đông) - làng Cốc Nhan. - Ranh giới bên trái được tính từ đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên trái là 2,1 km đến mốc giới số 906/2 (tọa độ 22°35'51,026" vĩ độ Bắc, 106°43'44,709" kinh độ Đông) - làng Pò Măn. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 02 km đến làng Tổng Nưa.

06	Cửa khẩu Lý Vạn	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu, giới hạn từ mốc giới số 845 (tọa độ 22°49'14,279" vĩ độ Bắc, 106°48'25,664" kinh độ Đông) đến mốc giới số 855 (tọa độ 22°47'05,956" vĩ độ Bắc, 106°49'21,086" kinh độ Đông). - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải đến mốc giới số 855. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên trái đến mốc giới số 845. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 2,5 km đến làng Bàn Khoòng.

4. Tại tỉnh Hà Giang

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Thanh Thuỷ	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia mốc giới số 261(2) (tọa độ 22°56'12,727" vĩ độ Bắc, 104°50'58,426" kinh độ Đông), lấy tâm đường quốc lộ 2 từ thành phố Hà Giang đi Cửa khẩu Thanh Thủy làm trục chính. - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu mốc giới số 261(2) chạy dọc theo đường biên giới về phía bên phải là 01 km. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu mốc giới số 261(2) chạy dọc theo đường biên giới về phía bên trái là 02 km. - Chiều sâu vào nội địa: Được tính từ tâm đường biên giới quốc gia vào sâu nội địa là 17,5 km (đến khu vực cầu UBND xã Phương Độ).
02	Cửa khẩu Phó Bảng	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu phụ Phó Bảng mốc giới số 394 (tọa độ 23°16'33,500" vĩ độ Bắc, 105°11'53,624" kinh độ Đông), lấy tâm đường giao thông từ ngã ba Đồng Văn - Phó Bảng đi cửa khẩu Phó Bảng làm trục chính. - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia mốc giới số 394 chạy dọc theo đường biên giới về phía bên phải là 01 km. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia mốc giới số 394 chạy dọc theo đường biên giới về phía bên trái là 01 km. - Chiều sâu vào nội địa: Được tính từ tâm đường biên giới quốc gia vào sâu nội địa là 08 km (đến cột mốc Km 118 ngã ba Phó Bảng - Đồng Văn).
03	Cửa khẩu Săm Pun	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu phụ Săm Pun mốc giới số 476 (tọa độ 23°14'43,803" vĩ độ Bắc, 105°28'49,872" kinh độ Đông), lấy tâm đường giao thông từ ngã ba Xín Cái - Sơn Vĩ đi cửa khẩu Săm Pun làm trục chính. - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia mốc giới số 476 chạy dọc theo đường biên giới về phía bên phải là 3,2 km đến mốc giới số 485 (tọa độ 23°13'24,002" vĩ độ Bắc, 105°29'30,861" kinh độ Đông) thuộc xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc). - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia mốc giới số 476 chạy dọc theo đường biên giới về phía bên trái là 8,3 km đến mốc quốc giới số 450 (tọa độ 23°18'02,591" vĩ độ Bắc, 105°26'12,570" kinh độ Đông) tại thôn Mỏ Phàng, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc). - Chiều sâu vào nội địa: Được tính từ tâm đường biên giới quốc gia vào sâu nội địa là 03 km (đến ngã ba đường đi Xín Cái - Sơn Vĩ).

04	Cửa khẩu Xín Mần	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu phụ Xín Mần mốc giới số 198 (tọa độ 22°47'21,445" vĩ độ Bắc, 104°30'46,386" kinh độ Đông), lấy tâm đường giao thông từ trung tâm xã Xín Mần đi cửa khẩu Xín Mần làm trục chính. - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia (mốc giới số 198) chạy dọc theo đường biên giới về phía bên phải là 900 m. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia (mốc giới số 198) chạy dọc theo đường biên giới về phía bên trái là 1,2 km. - Chiều sâu vào nội địa: Được tính từ tâm đường biên giới quốc gia vào sâu nội địa là 09 km (đến trạm y tế xã Xín Mần và bệnh xá đoàn kinh tế 314 Quốc phòng).

5. Tại tỉnh Lào Cai

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Lào Cai	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia, giới hạn từ mốc giới số 100(2) (tọa độ 22°30'56,782" vĩ độ Bắc, 103°56'57,074" kinh độ Đông) đến mốc giới số 101(2) (tọa độ 22°30'22,048" vĩ độ Bắc, 103°57'54,127" kinh độ Đông), 102(2) (tọa độ 22°30'26,410" vĩ độ Bắc, 103°57'54,064" kinh độ Đông) thuộc phạm vi phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. - Ranh giới về phía bên phải cửa khẩu, được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu nối tiếp liên tục đến các điểm sau: Toàn bộ địa giới hành chính của phường Lào Cai, thành phố Lào Cai đến hết địa giới hành chính của xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. - Ranh giới về phía bên trái cửa khẩu, được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu nối tiếp liên tục đến các điểm sau: Toàn bộ địa giới hành chính của phường Duyên Hải và xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai đến hết địa giới hành chính của thôn Kim Thành 1 và thôn Kim Thành 2, thôn Làng Hang, thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
02	Ga liên vận quốc tế đường sắt Lào Cai	- Toàn bộ khu vực trong phạm vi của hai đầu ghi của ga và khu vực nằm trong phạm vi tường rào ga Lào Cai. - Từ khu vực ga liên vận quốc tế đường sắt Lào Cai đến đường phân định biên giới quốc gia tại ray đường sắt trên cầu Hồ Kiều I, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai (tọa độ 22°30'31,097" vĩ độ Bắc, 103°57'53,255" kinh độ Đông) trong khu vực mốc giới số 103 (2) và toàn bộ địa giới hành chính của phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
03	Cửa khẩu Mường Khương	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia, giới hạn từ mốc giới số 144 (tọa độ 22°48'42,034" vĩ độ Bắc, 104°07'51,196" kinh độ Đông) đến mốc giới số 145 (tọa độ 22°48'41,813" vĩ độ Bắc, 104°07'52,190" kinh độ Đông). - Toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.
04	Cửa khẩu Bản Vược	Toàn bộ địa giới hành chính của xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

6. Tại tỉnh Lai Châu, Sơn La, Điện Biên

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Ma Lù Thàng	Là toàn bộ địa giới hành chính xã Ma Li Pho và xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.
02	Cửa khẩu Tây Trang	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu. - Trục chính của cửa khẩu là con đường qua cạnh mốc giới số 113 (tọa độ 21°13'03,160" vĩ độ Bắc, 102°54'29,326" kinh độ Đông) nối liền hai bên Tây Trang (Điện Biên - Việt Nam) và Pang Hốc (Phongxaly - Lào). - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu (tâm mốc giới số 113) chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 03 km. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu (tâm mốc giới số 113) chạy dọc theo đường biên giới về bên trái là 03 km. - Chiều sâu vào nội địa dọc theo trục đường quốc lộ 279 tính từ mốc giới số 113 (Km 0) đến Km 12 (đỉnh dèo Tây Trang).
03	Cửa khẩu Chiềng Khương	Là toàn bộ địa giới hành chính xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.
04	Cửa khẩu Lóng Sập	Là toàn bộ địa giới hành chính xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.
05	Cửa khẩu Huổi Puốc	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu. - Trục chính của cửa khẩu là con đường qua cạnh mốc giới số 144 (tọa độ 20°53'58,615" vĩ độ Bắc, 103°12'49,456" kinh độ Đông) nối liền hai bên Huổi Puốc (Việt Nam) và Na Son (Lào). - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu (tâm mốc giới số 144) chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 500 m. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu (tâm mốc giới số 144) chạy dọc theo đường biên giới về bên trái là 500 m. - Chiều sâu vào nội địa tính từ mốc giới số 144 (Km) dọc theo trục đường từ cửa khẩu về huyện Điện Biên đến đầu cầu bê tông gần cổng Đồn Biên phòng cửa khẩu Huổi Puốc (tức từ Km 0 đến Km 12).
06	Cửa khẩu Nà Cài	Là toàn bộ địa giới hành chính xã Chiềng On, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

7. Tại tỉnh Thanh Hóa

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Na Mèo	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Na Mèo, tính từ giữa cầu Na Mèo là: + Bên phải là 300 m (bản Na Mèo). + Bên trái là 300 m (giáp chân Đồi Quế). + Chiều sâu vào nội địa đến Km 79 trên trục đường 217 (thuộc xã Na Mèo).
02	Cửa khẩu Tén Tằn	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Tén Tằn tính từ cột mốc biên giới là: + Bên phải là 50 m (giáp sông Mã). + Bên trái là 300 m (bản Tén Tằn). + Chiều sâu vào nội địa 02 km tính từ cột mốc biên giới.
03	Cửa khẩu Khẹo	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Khẹo tính từ trạm biên phòng cửa khẩu Khẹo là: + Bên phải 500 m (khu vực Bản Đục). + Bên trái là 500 m (khu vực Bản Ruộng). + Chiều sâu vào nội địa là 06 km (đến bản Hón gần trung tâm Bát Mọt).

8. Tại tỉnh Nghệ An

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Nậm Cắn	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Nậm Cắn là: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 01 km. + Chiều sâu vào nội địa là 05 km dọc theo đường quốc lộ 7.
02	Cửa khẩu Thanh Thủy	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Thanh Thủy là: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 01 km. + Chiều sâu vào nội địa là 05 km dọc theo đường quốc lộ 46.

9. Tại tỉnh Hà Tĩnh

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Cầu Treo	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Cầu Treo tính từ cột mốc giới số 476 (tọa độ 18°23'13,076" vĩ độ Bắc, 105°09'33,223" kinh độ Đông): + Bên phải 650 m. + Bên trái 650 m. + Chiều sâu vào nội địa là 06 km theo trục đường quốc lộ 8A.

10. Tại tỉnh Quảng Bình

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Cha Lo	Trong phạm vi hàng rào đã được xác định tại khu vực Trạm Kiểm soát liên ngành cửa khẩu Cha Lo, phía trước đến cột mốc giới số 528 (tọa độ 17°40'18,873" vĩ độ Bắc, 105°45'55,440" kinh độ Đông). - Ranh giới khu vực cửa khẩu Cha Lo là: + Bên phải là 500 m. + Bên trái là 500 m. + Chiều sâu vào nội địa là 05 km theo quốc lộ 12 A (đến Km 37) thuộc khu vực bản Cha Lo, xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.
02	Cửa khẩu Cà Roòng	Ranh giới tính từ Barie, phía trước 500 m, bên phải 200 m, bên trái 200 m, chiều sâu vào nội địa 500 m theo đường 20.

11. Tại tỉnh Quảng Trị

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Lao Bảo	- Địa giới hành chính của thị trấn Lao Bảo, xã Tân Thành, xã Tân Long thuộc huyện Hướng Hóa. - Địa giới hành chính của các xã Tân Lập, Tân Liên, Tân Hợp và thị trấn Khe Sanh thuộc huyện Hướng Hóa. - Địa giới hành chính của xã Đakrông thuộc huyện Đakrông.
02	Cửa khẩu La Lay	Địa giới hành chính của các xã: A Bung, A Ngo, Tà Rụt thuộc huyện Đakrông.

12. Tại tỉnh Thừa Thiên Huế

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu A Đớt	- Toàn bộ địa giới hành chính xã A Đớt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.
02	Cửa khẩu Hồng Vân	- Trụ sở làm việc tại cửa khẩu. - Bãi kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. - Ranh giới khu vực cửa khẩu Hồng Vân là: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 01 km. + Chiều sâu: Từ cửa khẩu vào nội địa đến ngã ba đường Hồ Chí Minh 13 km.

13. Tại tỉnh Quảng Nam

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Nam Giang	- Trụ sở làm việc và trạm kiểm soát liên ngành tại cửa khẩu. - Bãi và nhà kiểm tra hàng hóa trong cửa khẩu. - Ranh giới khu vực cửa khẩu Nam Giang là: + Bên phải là 500 m. + Bên trái là 500 m. + Chiều sâu nội địa là 06 km theo hướng quốc lộ 14D.
02	Cửa khẩu Tây Giang	- Trụ sở làm việc tại cửa khẩu. - Bãi và nhà kiểm tra hàng hóa trong cửa khẩu. - Ranh giới khu vực cửa khẩu Tây Giang là: + Bên phải là 200 m. + Bên trái là 200 m. + Chiều sâu nội địa là 500 m.

14. Tại tỉnh Gia Lai và Kon Tum

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Bờ Y	- Ranh giới khu vực cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tính từ barie cửa khẩu là: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 01 km. + Chiều sâu vào nội địa là hết địa phận xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
02	Cửa khẩu Lệ Thanh	- Ranh giới khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh tính từ barie cửa khẩu: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 01 km. + Chiều sâu vào nội địa là hết địa phận xã IaDom, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

15. Tại tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Buprăng	Cửa khẩu Bupăng thuộc địa giới hành chính xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, cụ thể: Ranh giới khu vực cửa khẩu Bupăng, tính từ cầu biên giới (Km 0) là: - Bên phải tọa độ: $12^0$19'09,266" vĩ độ Bắc, $107^0$19'29,697"kinh độ Đông. - Bên trái tọa độ $12^0$19'11,969" vĩ độ Bắc, $107^0$17'22,342"kinh độ Đông. - Chiều sâu vào nội địa có tọa độ $12^0$16'27,280" vĩ độ Bắc, $107^0$18'10,536" kinh độ Đông (song song với quốc lộ 14C đến cầu Đắk Huýt).
02	Cửa khẩu Đắkpeur	Cửa khẩu ĐắkPeur thuộc địa giới hành chính xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, cụ thể: Ranh giới khu vực cửa khẩu Đắk Peur, tính từ cầu biên giới Đắk Đam (Km 0) là: - Bên phải tọa độ $12^0$26'44,215" vĩ độ Bắc, $107^0$34'09,520" kinh độ Đông (ngã ba suối Đắk peur với suối Đắk Đam). - Bên trái tọa độ $12^0$22'34,139" vĩ độ Bắc, $107^0$33'30,322" kinh độ Đông (ngã ba suối Đắk Song). - Chiều sâu vào nội địa theo hướng Đồn Biên phòng 759 đến quốc lộ 14A có tọa độ $12^0$26'04,849" vĩ độ Bắc, $107^0$35'52,697" kinh độ Đông theo hướng đường "Hồ Chay" đến quốc lộ 14A có tọa độ $12^0$22'34,149" vĩ độ Bắc, $107^0$34'38,150" kinh độ Đông.

03	Cửa khẩu Đắk Ruê	Cửa khẩu Đắk Ruê thuộc địa giới hành chính xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, cụ thể: Ranh giới khu vực cửa khẩu Đắk Ruê, tính theo tim đường chính ra cửa khẩu là: - Bên phải là 500 m chạy dọc đường biên giới quốc gia có tọa độ 13^{0}10'56,581" vĩ độ Bắc, 107^{0}33'31,315" kinh độ Đông. - Bên trái là 300 m chạy dọc theo đường biên giới quốc gia có tọa độ 13^{0}10'32,463" vĩ độ Bắc, 107^{0}33'21,473" kinh độ Đông. - Chiều sâu vào nội địa dọc theo đường chính giáp quốc lộ 14C là 950 m, có tọa độ 13^{0}10'44,359" vĩ độ Bắc, 107^{0}34'01,560" kinh độ Đông và tọa độ 13^{0}10'19,856" vĩ độ Bắc, 107^{0}33'52,468" kinh độ Đông.

16. Tại tỉnh Bình Phước

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Hoa Lư	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Hoa Lư, tính theo tim đường quốc lộ 13 tại cửa khẩu là: + Bên phải là 500 m. + Bên trái là 500 m. + Chiều sâu vào nội địa là 05 km theo đường quốc lộ 13 (tính từ Trạm kiểm soát Liên hợp cửa khẩu quốc tế Hoa Lư đến cổng trào văn hóa Ấp 7 thuộc xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh).
02	Cửa khẩu Hoàng Diệu	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Hoàng Diệu, tính theo tim đường ĐT 748 tại cửa khẩu là: + Bên phải là 300 m. + Bên trái là 300 m. + Chiều sâu vào nội địa là 02 km theo đường ĐT 748 (tính từ Barie kiểm soát).
03	Cửa khẩu Lộc Thịnh	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Lộc Thịnh tính theo tim đường ĐT 754 tại cửa khẩu là: + Bên phải 500 m. + Bên trái 500 m. Chiều sâu nội địa là 05 km theo đường ĐT 754 (tính từ Trạm gác Barie cửa khẩu Lộc Thịnh đến trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu Lộc Thịnh thuộc Ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh).
04	Cửa khẩu Tân Tiến	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Tân Tiến, tính theo tim đường Liên Doanh tại cửa khẩu là: + Bên phải là 300 m. + Bên trái là 300 m. + Chiều sâu vào nội địa là 1,5 km tính từ Barie đến ngã tư đường Liên Doanh và đường tuần tra biên giới.

17. Tại tỉnh Tây Ninh

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Mộc Bài	Toàn bộ địa giới hành chính xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu.
02	Cửa khẩu Xa Mát	Toàn bộ địa giới hành chính xã Tân Lập, huyện Tân Biên.
03	Cửa khẩu Kà Tum	Ranh giới khu vực cửa khẩu Kà Tum tính theo tim đường tại nơi làm việc của hải quan cửa khẩu là: - Bên phải là 200 m. - Bên trái là 550 m. - Chiều sâu vào nội địa là 01 km.
04	Cửa khẩu Tà Nông	- Chính diện: 1.600 m tính từ cột mốc 145 sang bên trái theo đường biên giới từ tọa độ điểm A (4825394029) đến tọa độ điểm C (4740294875). - Chiều sâu: 900 m tính từ biên giới cột mốc 145 theo trục đường vào nội địa đến vị trí cắm biển báo khu vực cửa khẩu, từ tọa độ tọa độ điểm A (4825394029) đến tọa độ điểm D (4778994854). - Bên phải: 580 m tính từ biển báo khu vực cửa khẩu toạ độ điểm D (4778994854) sang bên phải đến toạ độ điểm B (4836494850). - Bên trái: 390 m tính từ biển báo khu vực cửa khẩu toạ độ điểm D (4778994854) sang bên trái đến toạ độ điểm C (4740294875).
05	Cửa khẩu Tân Nam	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.200 m.
06	Cửa khẩu Vàm Trảng Trâu	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.200 m.
07	Cửa khẩu Long Phước	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 900 m.
08	Cửa khẩu Phước Chỉ	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.000 m.
09	Cửa khẩu Long Thuận	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.000 m.
10	Cửa khẩu Chàng Riệc	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.000 m.

11	Cửa khẩu Cây Gõ	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.000 m.
12	Cửa khẩu Tân Phú	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 800 m.
13	Cửa khẩu Tống Lê Chân	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.000 m.
14	Cửa khẩu Vạc Sa	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.400 m.
15	Cửa khẩu Phước Tân	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.400 m.

18. Tại tỉnh Long An

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Bình Hiệp	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Bình Hiệp, tính từ mốc giới số 211 (tọa độ: $10^0$50'22,20" vĩ độ Bắc, $105^0$55'50,02" kinh độ Đông): - Xác định về bên phải là 600 m theo hướng Đông chạy trên đường biên giới; bên trái là 500 m theo hướng Tây chạy trên đường biên giới. - Chiều sâu vào nội địa là 02 km chạy dọc theo quốc lộ 62 thuộc xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường.
02	Cửa khẩu Mỹ Quý Tây	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Mỹ Quý Tây, tính tại điểm giao nhau giữa tim đường Tỉnh lộ 838 và đường biên giới hiện quản: - Xác định về bên phải là 500 m theo hướng Đông - Đông Bắc chạy trên đường biên giới hiện quản; bên trái là 500 m theo hướng Nam - Tây Nam chạy trên đường biên giới hiện quản. - Chiều sâu vào nội địa là 1,3 km chạy dọc theo Tỉnh lộ 838 thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ.
03	Cửa khẩu Hưng Điền A	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Hưng Điền A, tính từ trạm Kiểm soát cửa khẩu (Hải quan - Biên phòng) là: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 500 m. + Chiều sâu vào nội địa là 1,5 km thuộc xã Hưng Điền A, huyện Vĩnh Hưng.

19. Tại tỉnh Đồng Tháp

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Thường Phước	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Thường Phước, tính từ trụ sở hải quan cửa khẩu là: + Đến giữa dòng Sông Tiền phía đối diện (giáp ranh giới tỉnh An Giang). + Về hướng bắc đến đường biên giới quốc gia. + Theo hướng Đông - Nam 01 km (chạy dọc theo đường biên giới quốc gia). + Chiều sâu vào nội địa (về hướng Nam) là 01 km (theo đường ĐT 841).
02	Cửa khẩu Dinh Bà	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Dinh Bà, tính từ Trạm trực kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu là: + Đến đường biên giới Việt Nam - Campuchia. + Về phía Đông - Bắc 01 km dọc theo đường biên giới quốc gia. + Về phía Tây - Nam 01 km dọc theo đường biên giới quốc gia. + Về hướng Đông - Nam 01 km (theo quốc lộ 30).
03	Cửa khẩu Thông Bình	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Thông Bình, tính từ trụ sở hải quan cửa khẩu là: + Đến đường biên giới Việt Nam - Campuchia. + Về phía Đông đến ranh giới tỉnh Long An. + Về phía Tây là 01 km. + Về phía Nam là 01 km (đến đường tuần tra biên giới).
04	Cửa khẩu Sở Thượng	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Sở Thượng, tính từ trụ sở hải quan cửa khẩu là: + Về phía Bắc đến cột mốc số 236 (2). + Đến đường biên giới trên sông Sở Thượng. + Về phía Đông - Nam là 01 km. + Về phía Tây - Nam là 01 km (đến cụm dân cư Giồng Duối). + Về phía Nam là 01 km.

20. Tại tỉnh An Giang

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Vĩnh Xương	Toàn bộ địa giới hành chính xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu.
02	Cửa khẩu Khánh Bình	Toàn bộ địa giới hành chính: - Thị trấn Long Bình, huyện An Phú. - Ấp Phú Thành và ấp Phú Hòa thuộc xã Phú Hữu, huyện An Phú.
03	Cửa khẩu Bắc Đai	Toàn bộ địa giới hành chính xã Nhơn Hội, huyện An Phú.
04	Cửa khẩu Vĩnh Hội Đông	Toàn bộ địa giới hành chính: - Xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú. - Ba Ấp: Phú Thuận, Phú Mỹ, Phú Nghĩa thuộc xã Phú Hội, huyện An Phú.
05	Cửa khẩu Tịnh Biên	Toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên.

21. Tại tỉnh Kiên Giang

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Hà Tiên	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Hà Tiên, tính từ cửa khẩu biên giới là: + Bên phải là 2,5 km (đến núi đá dựng). + Bên trái là 1,5 km (đến sát bờ biển). + Chiều sâu vào nội địa là 2,7 km (ngã ba đi Bà Lý).
02	Cửa khẩu Giang Thành	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Giang Thành tính từ cửa khẩu biên giới là: + Bên phải theo hướng Đông Bắc, dọc Kênh Vĩnh Tế là 04 km (đến cống ngăn mặn Đầm Chít). + Bên trái theo hướng Tây Nam, dọc sông Giang Thành là 3,5 km (đến rạch Cái Đôi). + Chiều sâu vào nội địa, dọc theo trục lộ Tân Hòa là 2,5 km (đến cầu Cống Bản).